

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-01-2025

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Phương Trinh

2. Bà Lê Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1386/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 649/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 491/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thuận B, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 1 Đường T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1985;

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, tổ A, ấp T (nay là ấp B), xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thuận B trình bày:

Bà Dương Thuận B và ông Hoàng Văn L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2015, quyền số 01/2025 do U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2015.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ đó đến nay.

Trong thời gian sống ly thân từ năm 2020 đến nay, ông L không quan tâm, chăm sóc vợ con, không đóng góp tiền bạc để nuôi con ăn học.

Nay bà B không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân và chung sống với ông L, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hoàng Hà A, sinh ngày 30/8/2016 và Hoàng Hà M, sinh ngày 17/6/2020. Hiện nay, hai con đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành và tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà B và ông L là vợ chồng hợp pháp từ ngày 05/6/2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông L. Về con chung: Có 02 con chung tên Hoàng Hà A, sinh ngày 30/8/2016 và Hoàng Hà M, sinh ngày 17/6/2020. Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng/con chung đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Hai con chung cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển ổn định cho các con chung cũng như xét yêu cầu của bà B, nguyện vọng của cháu Hà A và Hà M là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hà A và Hà M cho bà B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà B và ông L là tranh chấp về việc “ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông L cư trú tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà B và ông L. Tại phiên tòa, bà B có mặt, ông L vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2015, quyển số 01/2025 do U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2015, có đủ cơ sở xác định, bà B và ông L là vợ chồng hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông L: Bà B trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông L ra khỏi nhà, sống riêng từ năm 2020 cho đến nay. Trong khoảng thời gian từ năm 2020 cho đến nay, ông L không quan tâm, chăm sóc vợ con, không đóng góp tiền bạc để nuôi con ăn học.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ, hàn gắn nhưng bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L; ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B và ông L đã trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B về việc ly hôn với ông L.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà B và ông L có 02 con chung tên Hoàng Hà A, sinh ngày 30/8/2016 và Hoàng Hà M, sinh ngày 17/6/2020. Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy: Từ khi bà B và ông L sống ly thân cho đến nay, hai cháu Hà A và Hà M sống chung với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, cháu Hà A và Hà M cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định cho các con chung cũng như xét yêu cầu của bà B, nguyện vọng của cháu Hà A và Hà M là phù hợp, nên Hội đồng xét xử giao cháu Hà A và Hà M cho bà B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng.

Xét thấy: Ngoài chi phí sinh hoạt thì hiện nay cháu Hà A và cháu Hà M đang đi học. Bà B yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung là phù hợp với mức sống và chi phí sinh hoạt tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B về việc yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B và ông L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thuận B được ly hôn với ông Hoàng Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2015, quyển số 01/2025 do U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2015).

2. Về con chung:

Bà B và ông L có 02 con chung tên Hoàng Hà A, sinh ngày 30/8/2016 và Hoàng Hà M, sinh ngày 17/6/2020.

Giao cháu Hoàng Hà A và Hoàng Hà M cho bà B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông Hoàng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Hoàng Hà A và Hoàng Hà M số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0047059 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn (đã nộp đủ).

Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. Nguyên đơn (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

8. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mai